

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÔNG MÃ  
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 45/2020/HS-ST

Ngày 29-6- 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đèo Văn Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thành Vân.

2. Bà Thào Thị Mỹ Duyên.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà:***  
Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2020/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/HSST-QĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lò Đức L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 07/5/1985. Nơi sinh tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Nơi ở và ĐKKHKT: Bản KT, xã CK, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: ThA; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Lò Văn T (đã chết); con bà Bùi Thị T, vợ con chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo bản án số 05/2016/HSST ngày 30/11/2016.

Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số: 14/2009/HSST ngày 18/02/2009.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2020 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

2. Phạm Văn A (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/10/1980. Nơi sinh tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Nơi ở và ĐKHKTT: Bản HS, xã CK, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không. Con ông: Phạm Văn Đ (Phạm Ngọc Đ); con bà Hà Thị K, vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số: 217/2008/HSST ngày 24/10/2008.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2020 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 00 phút ngày 13/02/2020 tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ tại bản NH, xã HM, Sông Mã phát hiện bắt quả tang Phạm Văn A và Lò Đức L cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ tại lòng bàn tay phải của L có 01 gói nilon màu hồng bên trong chứa chất bột liên kết màu trắng và 02 viên nén màu hồng (*L và A khai nhận là Heroine và Hồng phiến*). Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong vật chứng; Tạm giữ của L 01 xe mô tô loại Jupiter biển kiểm soát 26C1-014.90, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Buk; tạm giữ của A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy J3 đã qua sử dụng.

Ngày 14/02/2020 tại phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, cân tịnh trích mẫu vật chứng giám định. Kết quả: Chất bột liên kết màu trắng ngà có khối lượng 0,10 gam, kết quả giám định là Heroine; 02 viên nén màu hồng có khối lượng 0,19 gam, kết quả giám định là ma túy loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Lò Đức L và Phạm Văn A thường sử dụng ma túy và có quan hệ anh em với nhau. Khoảng 12 giờ ngày 13/02/2020 Phạm Văn A đến nhà Lò Đức L chơi ở lại ăn cơm uống rượu cùng L. Ăn cơm xong, L rủ A góp tiền mua ma túy sử dụng thì A đồng ý nhưng nói không có tiền. A về nhà trước, L lấy được tiền bán cây bạch đàn lúc sáng, có tiền L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 26C1-014.90 (mượn của em trai là Lò Minh D trước đó) đến đón A để đi mua ma túy. Trên đường đi lên bản PT. Xã HM L nói với A sẽ bỏ tiền ra mua ma túy trước, khi nào A có tiền thì trả cho L nên A đồng ý. Đến đầu bản Phá Thóng, L và A cùng đi vào nhà người dân thì gặp một người phụ nữ không biết tên, khoảng 40 tuổi, A hỏi và mua được của người phụ nữ này 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa chất bột liên kết màu trắng và 02 viên hồng phiến. L nhận lấy gói ma túy, trích ra một ít sử dụng tại bếp của gia đình người phụ nữ này. Sử dụng xong, số Heroine và 02 viên hồng phiến L gói lại như ban đầu rồi cầm ở

trong lòng bàn tay trái ngồi xe A điều khiển ra về. Khi đến khu vực bản NH, xã Huổi Một, huyện Sông Mã thì gặp tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng, tạm giữ đồ vật và phương tiện nêu trên.

Do các hành vi nêu trên tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố các bị cáo Lò Đức L, Phạm Văn A về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố các bị cáo Lò Đức L, Phạm Văn A phạm tội *tàng trữ trái phép chất ma túy*.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Đức L từ 36 đến 40 tháng tù; Phạm Văn A từ 24 đến 30 tháng tù.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1,2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 phong bì thư công văn niêm phong bên trong có chứa mẫu giám định L = 0,04 gam, L1 = 0,11 gam.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động thư giữ của Lò Đức L và Phạm Văn A.

- Tuyên quyền kháng cáo và miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Đức L, bị cáo Phạm Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không

có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Các bị cáo Lò Đức L, Phạm Văn A là người có nhận thức, biết được chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do thường xuyên sử dụng chất ma túy ngày 13/02/2020 các bị cáo cố ý mua 0,10 gam Heroine và 0,19 gam Methamphetamine về nhằm mục đích sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ sau:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 14 giờ 10 phút ngày 13/02/2020 tại bản Nà Hạ, xã Huồi Một, huyện Sông Mã đối với Lò Đức L và Phạm Văn A cùng vật chứng thu giữ 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa Heroine và methamphetamine.

Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong vật chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 14/02/2020 và kết luận giám định số 345 ngày 17/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy loại Heroine và Methamphetamine.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ và cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của Lò Đức L và Phạm Văn A đã phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Tội phạm và hình phạt được quy định theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã đi ngược lại với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước về đấu tranh phòng, chống ma túy; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương; trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và các tội phạm khác trong xã hội, cần phải có một mức án nghiêm nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung đối với các bị cáo.

[4] Xét về vai trò đồng phạm các bị cáo: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, đối với bị cáo Lò Đức L là người khởi sự rủ rê bị cáo A lấy phương tiện và bỏ tiền ra mua trước nên giữ vai chính trong vụ án, bị cáo Phạm Văn A với vai trò đồng phạm cùng góp tiền với bị cáo L và cùng nhau đi mua ma túy về sử dụng.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn

hồi cải. Nên được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án xét xử về tội phạm ma túy nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để rèn luyện bản thân trở thành người biết chấp hành và tuân theo pháp luật nay lại phạm tội mới. Do đó cần có mức án tương xứng với tính chất mức độ của từng bị cáo, để cải tạo, giáo dục các bị cáo và nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Lò Đức L có 01 tiền án về tội mua bán trA phép chất ma túy nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, song xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản có giá trị nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 phong bì thư niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 phong bì thư công văn niêm phong bên trong có chứa mẫu giám định  $L = 0,04$  gam,  $L1 = 0,11$  gam là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động tạm giữ của các bị cáo xét thấy liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về một số vấn đề liên quan.

- Về chất ma túy thu giữ trong vụ án các bị cáo khai mua được của người đàn ông dân tộc Mông không quen biết ở bản Phá Thóng, xã Huổi Một, huyện Sông Mã. Quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã không có căn cứ để điều tra làm rõ.

- Đối với Xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 26C1-104.90, Qua tra cứu, xác minh xe thuộc tài sản hợp pháp của anh Lò Minh D (em trai ruột của bị cáo L). Khi mượn xe D không nói cho L biết việc mượn xe để phạm tội, nên ngày 28/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Dũng là phù hợp.

[9] Về án phí: Xét thấy bị cáo Lò Đức L gia đình thuộc hộ nghèo và tại phiên tòa các bị cáo đề nghị HĐXX xin được miễn án phí nên cần chấp nhận, bị cáo Phạm Văn A phải chịu án phí hình sự theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

- Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Đức L, Phạm Văn A phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Xử phạt: - Bị cáo Lò Đức L 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 13/02/2020).

- Bị cáo Phạm Văn A 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 13/02/2020).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Vật chứng: - Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 phong bì thư công văn niêm phong bên trong có chứa mẫu giám định L = 0,04 gam, L1 = 0,11 gam;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu đen, số IMEI: 354814090664596; 01 điện thoại di động hiệu BUK, màu vàng, số IMEI: 980011004393378, đều đã qua sử dụng;

*(Tang vật đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La theo biên bản giao nhận vật chứng, ngày 28 tháng 5 năm 2020).*

4. Về án phí: Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Đức L. Bị cáo Phạm Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/6/2020).

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Công an huyện Sông Mã;
- THAHS + DS;
- STP tỉnh;
- Bị cáo;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đèo Văn Quỳnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thành Vân**

**Thào Thị Mỹ Duyên**

**Đèo Văn Quỳnh**